

Số: 53/2006/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ và sử dụng các loại mã, số viễn thông

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

- Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;
- Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;
- Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng phân bổ và sử dụng các loại mã, số viễn thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Viễn thông, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Trung Tá

BẢNG PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI MÃ, SỐ VIỄN THÔNG
*(Ban hành theo Quyết định số 53/2006/QĐ-BBCVT ngày 15 tháng 12 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)*

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
0	Số mào đầu quốc gia	1 chữ số	
00	Số mào đầu quốc tế	2 chữ số	
01			
	Mã mạng		
010	Dành cho mạng và dịch vụ mới	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ ⁽¹⁾
011	Di động IMT-2000	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ
012	Di động tế bào	3 chữ số	Dự phòng ⁽²⁾
013	Truy nhập vô tuyến băng rộng	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ
014	Dành cho mạng và dịch vụ mới	3-4 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ
015	Di động tế bào	3 chữ số	Dự phòng
016	Di động tế bào	3 chữ số	Dự phòng
017	Di động tế bào	3-4 chữ số	Dự phòng
	Mã vùng		
018	Gọi liên tỉnh đến Hoà Bình	3 chữ số	Mã vùng 18 sẽ chuyển thành 218 / sẽ thu hồi ⁽³⁾ .
019	Gọi liên tỉnh đến Hà Giang	3 chữ số	Mã vùng 19 sẽ chuyển thành 219 / sẽ thu hồi.
02			
020	Gọi liên tỉnh đến Lào Cai	3 chữ số	Mã vùng 20 / đã phân bổ ⁽⁴⁾
0210	Gọi liên tỉnh đến Vĩnh Phúc	4 chữ số	Mã vùng 210 / đã phân bổ.
0211	Gọi liên tỉnh đến Phú Thọ	4 chữ số	Mã vùng 211 / đã phân bổ.
0218	Gọi liên tỉnh đến Hoà Bình	4 chữ số	Mã vùng 218 sẽ được dùng thay cho 18. / sẽ phân bổ ⁽⁵⁾
0219	Gọi liên tỉnh đến Hà Giang	4 chữ số	Mã vùng 219 sẽ được dùng thay cho 19. / sẽ phân bổ
022	Gọi liên tỉnh đến Sơn La	3 chữ số	Mã vùng 22.

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
023	Gọi liên tỉnh đến Lai Châu	3 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 23.
0240	Gọi liên tỉnh đến Điện Biên Gọi liên tỉnh đến Bắc Giang	4 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 240.
0241	Gọi liên tỉnh đến Bắc Ninh	4 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 241.
025	Gọi liên tỉnh đến Lạng Sơn	3 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 25.
026	Gọi liên tỉnh đến Cao Bằng	3 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 26.
027	Gọi liên tỉnh đến Tuyên Quang	3 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 27.
0280	Gọi liên tỉnh đến Thái Nguyên	4 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 280.
0281	Gọi liên tỉnh đến Bắc Cạn	4 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 281.
029	Gọi liên tỉnh đến Yên Bái	3 chữ số	/ đã phân bổ. Mã vùng 29.
03			
030	Gọi liên tỉnh đến Ninh Bình	3 chữ số	Mã vùng 30. / đã phân bổ.
031	Gọi liên tỉnh đến Hải Phòng	3 chữ số	Mã vùng 31. / đã phân bổ.
0320	Gọi liên tỉnh đến Hải Dương	4 chữ số	Mã vùng 320. / đã phân bổ.
0321	Gọi liên tỉnh đến Hưng Yên	4 chữ số	Mã vùng 321. / đã phân bổ.
033	Gọi liên tỉnh đến Quảng Ninh	3 chữ số	Mã vùng 33. / đã phân bổ.
034	Gọi liên tỉnh đến Hà Tây	3 chữ số	Mã vùng 34. / đã phân bổ.
0350	Gọi liên tỉnh đến Nam Định	4 chữ số	Mã vùng 350. / đã phân bổ.
0351	Gọi liên tỉnh đến Hà Nam	4 chữ số	Mã vùng 351. / đã phân bổ.
036	Gọi liên tỉnh đến Thái Bình	3 chữ số	Mã vùng 36. / đã phân bổ.
037	Gọi liên tỉnh đến Thanh Hoá	3 chữ số	Mã vùng 37. / đã phân bổ.
038	Gọi liên tỉnh đến Nghệ An	3 chữ số	Mã vùng 38. / đã phân bổ.
039	Gọi liên tỉnh đến Hà Tĩnh	3 chữ số	Mã vùng 39. / đã phân bổ.
04	Gọi liên tỉnh đến Hà Nội	2 chữ số	Mã vùng 4. / đã phân bổ.

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
0400-0409	Mã mạng Dành cho mạng và dịch vụ mới	4-5 chữ số	Chưa có kế hoạch phân bổ
05	Mã vùng		
050	Gọi liên tỉnh đến Đắk Lắk	3 chữ số	Mã vùng 50. / đã phân bổ.
0510	Gọi liên tỉnh đến Đắk Nông	4 chữ số	Mã vùng 510. / đã phân bổ.
0511	Gọi liên tỉnh đến Quảng Nam	4 chữ số	Mã vùng 511. / đã phân bổ.
052	Gọi liên tỉnh đến Đà Nẵng	3 chữ số	Mã vùng 52. / đã phân bổ.
053	Gọi liên tỉnh đến Quảng Bình	3 chữ số	Mã vùng 53. / đã phân bổ.
054	Gọi liên tỉnh đến Quảng Trị	3 chữ số	Mã vùng 54. / đã phân bổ.
055	Gọi liên tỉnh đến Thừa Thiên Huế	3 chữ số	Mã vùng 55. / đã phân bổ.
056	Gọi liên tỉnh đến Quảng Ngãi	3 chữ số	Mã vùng 56. / đã phân bổ.
057	Gọi liên tỉnh đến Bình Định	3 chữ số	Mã vùng 57. / đã phân bổ.
058	Gọi liên tỉnh đến Phú Yên	3 chữ số	Mã vùng 58. / đã phân bổ.
059	Gọi liên tỉnh đến Khánh Hoà	3 chữ số	Mã vùng 59. / đã phân bổ.
06			
060	Gọi liên tỉnh đến Gia Lai	3 chữ số	Mã vùng 60. / đã phân bổ.
061	Gọi liên tỉnh đến Kon Tum	3 chữ số	Mã vùng 61. / đã phân bổ.
062	Gọi liên tỉnh đến Đồng Nai	3 chữ số	Mã vùng 62. / đã phân bổ.
063	Gọi liên tỉnh đến Bình Thuận	3 chữ số	Mã vùng 63. / đã phân bổ.
064	Gọi liên tỉnh đến Lâm Đồng	3 chữ số	Mã vùng 64. / đã phân bổ.
0650	Gọi liên tỉnh đến Bà Rịa Vũng Tàu	4 chữ số	Mã vùng 650. / đã phân bổ.
0651	Gọi liên tỉnh đến Bình Dương	4 chữ số	Mã vùng 651. / đã phân bổ.
066	Gọi liên tỉnh đến Bình Phước	3 chữ số	Mã vùng 66. / đã phân bổ.
	Gọi liên tỉnh đến Tây Ninh	3 chữ số	Mã vùng 66. / đã phân bổ.

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
067	Gọi liên tỉnh đến Đồng Tháp	3 chữ số	Mã vùng 67. / đã phân bổ.
068	Gọi liên tỉnh đến Ninh Thuận	3 chữ số	Mã vùng 68. / đã phân bổ.
069	Mã mạng Gọi vào mạng Bộ Công an Gọi vào mạng Bộ Quốc phòng	3 chữ số	Mã mạng 69. / đã phân bổ.
07	Mã vùng		
070	Gọi liên tỉnh đến Vĩnh Long	3 chữ số	Mã vùng 70. / đã phân bổ.
071	Gọi liên tỉnh đến Cần Thơ	3 chữ số	Mã vùng 71. / đã phân bổ.
072	Gọi liên tỉnh đến Hậu Giang Gọi liên tỉnh đến Long An	3 chữ số	Mã vùng 72. / đã phân bổ.
073	Gọi liên tỉnh đến Tiền Giang	3 chữ số	Mã vùng 73. / đã phân bổ.
074	Gọi liên tỉnh đến Trà Vinh	3 chữ số	Mã vùng 74. / đã phân bổ.
075	Gọi liên tỉnh đến Bến Tre	3 chữ số	Mã vùng 75. / đã phân bổ.
076	Gọi liên tỉnh đến An Giang	3 chữ số	Mã vùng 76. / đã phân bổ.
077	Gọi liên tỉnh đến Kiên Giang	3 chữ số	Mã vùng 77. / đã phân bổ.
0780	Gọi liên tỉnh đến Cà Mau	4 chữ số	Mã vùng 780. / đã phân bổ.
0781	Gọi liên tỉnh đến Bạc Liêu	4 chữ số	Mã vùng 781. / đã phân bổ.
079	Gọi liên tỉnh đến Sóc Trăng	3 chữ số	Mã vùng 79. / đã phân bổ.
08	Gọi liên tỉnh đến TP. Hồ Chí Minh	2 chữ số	Mã vùng 8. / đã phân bổ.
080	Mã mạng Gọi vào mạng Cục Bưu điện Trung ương	3 chữ số	Mã mạng 80. / đã phân bổ.
09 090	Gọi vào mạng di động tế bào VMS	3 chữ số	Mã mạng 90. / đã phân bổ.
091	Gọi vào mạng di động tế bào GPC	3 chữ số	Mã mạng 91. / đã phân bổ.

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
092	Gọi vào mạng di động tế bào HT	3 chữ số	Mã mạng 92. / đã phân bổ.
093	Gọi vào mạng di động tế bào VMS	3 chữ số	Mã mạng 93 / đã phân bổ.
094	Gọi vào mạng di động tế bào GPC	3 chữ số	Mã mạng 94 / đã phân bổ.
095	Gọi vào mạng di động tế bào SPT	3 chữ số	Mã mạng 95 / đã phân bổ.
096	Gọi vào mạng di động tế bào EVNT	3 chữ số	Mã mạng 96 / đã phân bổ.
097	Gọi vào mạng di động tế bào VIETTEL	3 chữ số	Mã mạng 97 / đã phân bổ.
098	Gọi vào mạng di động tế bào VIETTEL	3 chữ số	Mã mạng 98 / đã phân bổ.
099	Gọi vào mạng VSAT VNPT	3 chữ số	Mã mạng 99 / đã phân bổ.
10			
10000- 100116 100117	Dịch vụ đo thử Báo giờ	6 chữ số 6 chữ số	Dự phòng Số dùng chung (<i>thay cho 117 cũ</i>) / sẽ phân bổ
100118	Tự thử chuông máy điện thoại	6 chữ số	Số dùng chung (<i>thay cho 118 cũ</i>) / sẽ phân bổ
100119- 100999			Dự phòng
101	Đăng ký đàm thoại trong nước	3-4 chữ số 3 chữ số	VNPT / đã phân bổ
102-105			Dự phòng
1060-1079 1080	Dịch vụ giá cao nội vùng	4-6 chữ số 4 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
1081		4 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1082-1085		6 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ
108600		6 chữ số	VNPT / đã phân bổ
108601		6 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1087		4 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ
1088		4 chữ số	VNPT / đã phân bổ
1089-1099			Dự phòng
11			
	Đăng ký đàm thoại quốc tế	3-4 chữ số	
110		3 chữ số	VNPT / đã phân bổ
	Dịch vụ khẩn cấp	3-4 chữ số	
111		3 chữ số	Dự phòng
112		3-4 chữ số	Dự phòng
113	Gọi Công an	3 chữ số	Số dùng chung / đã phân bổ
114	Gọi Cứu hoả	3 chữ số	Số dùng chung / đã phân bổ
115	Gọi cấp cứu y tế	3 chữ số	Số dùng chung / đã phân bổ
	Tra cứu số điện thoại nội hạt	3 chữ số	
116		3 chữ số	Số dùng chung / đã phân bổ
117	Dịch vụ hỗ trợ khách hàng bắt buộc	3-4 chữ số	<i>(dịch vụ báo giờ 117 cũ, sẽ thay bằng 100117)</i> / sẽ thu hồi
	Dịch vụ báo hỏng số máy điện thoại nội hạt	3-4 chữ số	
1180-1189		4 chữ số	<i>(dịch vụ tư thủ chuông 118 cũ, sẽ thay bằng 100118)</i> / sẽ thu hồi
119		3 chữ số	VNPT / đã phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
12			
120 121-122	Dịch vụ gọi trực tiếp về nước (Home Country Direct - HCD)	3-4 chữ số 3 chữ số 3-4 chữ số	VNPT / đã phân bổ Dự phòng
1230-1239 1240-1249 1250-1259	Dịch vụ truyền số liệu	4-5 chữ số 4 chữ số 4 chữ số	Dự phòng mạng TSL của Đảng, CP. / đã phân bổ VNPT / đã phân bổ
1260 1261-1266 1267-1269 1270 1271-1276 12770-12776 12777 12778-12779 1278 1279 1280 1281-1283 1284 1285-1287 12880-12888 12889 12890-12897 12898 12899 12900	Dịch vụ Internet	4-5 chữ số 4 chữ số 4 chữ số 4 chữ số 5 chữ số 5 chữ số 5 chữ số 4 chữ số 4 chữ số 4 chữ số 5 chữ số 5 chữ số 5 chữ số 5 chữ số 5 chữ số	VNPT / đã phân bổ Dự phòng VNPT / đã phân bổ SPT / đã phân bổ Dự phòng Dự phòng TIE Co. / đã phân bổ Dự phòng Viettel / đã phân bổ Dự phòng FPT / đã phân bổ Dự phòng NetNam / đã phân bổ Dự phòng Dự phòng HT / đã phân bổ Dự phòng OCI / đã phân bổ OCI / đã phân bổ Dự phòng

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
12901 12902-12999		5 chữ số	QTNNet / đã phân bổ Dự phòng
13			
130-139	Đăng ký đàm thoại quốc tế	3-4 chữ số	Dự phòng
14			
1400-1409 141	Dịch vụ nhắn tin Nhắn tin SMS từ mạng cố định vào mạng di động tế bào GPC.	3-4 chữ số 3 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ
142 143 144 145 146-147 148 149	Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông	4-6 chữ số	<i>Giải đáp cước QT cũ, sẽ chuyển sang dùng đầu số 1800.</i> <i>/ sẽ thu hồi.</i> <i>Hướng dẫn quay số quốc tế cũ.</i> <i>/ sẽ thu hồi</i> Dự phòng Dự phòng Dự phòng <i>Giấy mời quốc tế cũ.</i> <i>/ sẽ thu hồi</i> Dự phòng
15			
150-159	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
16			
160	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
161 162-167	Mã nhà khai thác	3-4 chữ số 3 chữ số	VNPT / đã phân bổ Dự phòng

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
168		3 chữ số	Viettel
169			/ đã phân bổ Dự phòng
17			
170	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
171	Dịch vụ điện thoại VoIP	3-4 chữ số 3 chữ số	VNPT / đã phân bổ
172		3 chữ số	HT / đã phân bổ
173-174			Dự phòng
175		3 chữ số	Vishipel / đã phân bổ
176			Dự phòng
177		3 chữ số	SPT / đã phân bổ
178		3 chữ số	Viettel / đã phân bổ
179		3 chữ số	EVNT / đã phân bổ
18			
18000	Dịch vụ gọi tự do toàn quốc	8-10 chữ số	Dự phòng
18001		8 chữ số	VNPT / đã phân bổ
18002-18004			Dự phòng
18005		10 chữ số	VNPT / đã phân bổ
18006			Dự phòng
18007		8-10 chữ số	SPT / đã phân bổ
18008		8-10 chữ số	VIETTEL / đã phân bổ
18009		8-10 chữ số	EVNT / đã phân bổ
1801-1809	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ
1810-1819	Dịch vụ điện thoại thẻ trả trước (PCC)	4-5 chữ số	Dự phòng
182-189	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
19			
19000 19001 19002-19004 19005 19006 19007 19008 19009	Dịch vụ giá cao toàn quốc	8-10 chữ số 8 chữ số 10 chữ số 8-10 chữ số 8-10 chữ số	Dự phòng VNPT / đã phân bổ Dự phòng VNPT / đã phân bổ Dự phòng SPT / đã phân bổ VIETTEL / đã phân bổ EVNT / đã phân bổ
1901-1999	Dành cho các dịch vụ mới		Chưa có kế hoạch phân bổ (199 đang dùng cho số thuê bao Bộ Ngoại giao; sẽ thay bằng 799) / sẽ thu hồi
2-9	Số thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất và di động nội vùng	6-9 chữ số	Dùng sau mã vùng
2-9	Số thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc	7-9 chữ số	Dùng sau mã mạng di động
2-9	Số thuê bao mạng VSAT VNPT	6-7 chữ số	Dùng sau mã mạng 99
3-4	Số thuê bao mạng dùng riêng Bộ Công An	5-7 chữ số	Dùng sau mã mạng 69
5-8	Số thuê bao mạng dùng riêng Bộ Quốc Phòng	6-7 chữ số	Dùng sau mã mạng 69
3-8	Số thuê bao mạng chuyên dùng Cục Bưu điện Trung ương	5-7 chữ số	Dùng sau mã mạng 80

Mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Mục đích sử dụng	Độ dài mã, số (bao gồm cả số mào đầu)	Chú thích / Trạng thái
199	Số thuê bao mạng dùng riêng Bộ Ngoại giao	7 chữ số	<i>Dùng sau mã vùng 4, sẽ thay bằng 799. / sẽ thu hồi</i>

Ghi chú:

- (1): Chưa có kế hoạch phân bổ là chưa xem xét việc phân bổ các loại mã, số viễn thông theo yêu cầu của các doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân.
- (2): Dự phòng là khả năng sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân về việc phân bổ các loại mã, số viễn thông trên cơ sở Quy hoạch và Quy định quản lý kho số.
- (3): Sẽ thu hồi là các loại mã, số viễn thông sẽ bị thu hồi từ các doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức cá nhân xác định.
- (4): Đã phân bổ là trạng thái các loại mã, số viễn thông đã được phân bổ cho các mạng, doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân xác định.
- (5): Sẽ phân bổ là các loại mã, số viễn thông sau khi bị thu hồi sẽ phân bổ lại cho các mạng, doanh nghiệp viễn thông, Internet hoặc các tổ chức, cá nhân.